

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3088** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **04** tháng 8 năm 2015

BQL ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI 7

CÔNG VĂN BẢN

Số: **61-TM**

Ngày **5** tháng **8** năm **2015**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận

(Điều chỉnh phân đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ)

tr. ch. 62, 08.0.

ly KH, TH, Thi g

ly Táo m...

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 649/VPCP-NN ngày 28/01/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc chỉ định thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận; số 996/TTg-KTN ngày 06/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý điều chỉnh dự án đầu tư và áp dụng hình thức chỉ định thầu thi công đập dâng và hệ thống kênh tưới Tân Mỹ;

Căn cứ các Văn bản số 3880/BKHĐT-KTNN ngày 18/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 8157/BTC-ĐT ngày 17/6/2015 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh dự án đầu tư và áp dụng hình thức chỉ định thầu thi công đập dâng và hệ thống kênh tưới Tân Mỹ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 phê duyệt dự án đầu tư và số 169/QĐ-BNN-XD ngày 20/01/2010 phê duyệt điều chỉnh dự án HTTL Tân Mỹ.

Căn cứ Văn bản số 2780/UBND-QHXD ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận về nội dung điều chỉnh nhiệm vụ, quy mô đập dâng và hệ thống kênh dẫn nước khu tưới Tân Mỹ;

Xét Tờ trình số 198/Tr-BQL-NT ngày 17/7/2015 về việc thẩm định, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Phân đập dâng và kênh khu tưới Tân Mỹ,

Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư số 197/BCGSĐGĐT-BQL-NT ngày 17/7/2015 của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7 (Ban 7); tờ trình số 141/TTr-SNNPTNT của Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại Báo cáo số 1050/BC-XD-TĐ ngày 28/7/2015 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận (Phần đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án và hạng mục điều chỉnh.

- Tên dự án: Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận.
- Tên hạng mục điều chỉnh: Đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ.

2. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất.

2.1. Vị trí:

- Đập dâng Tân Mỹ: trên sông Cái, cách đầu mối hồ Sông Cái khoảng 10 km, cách cầu Sông Cái (cầu Quảng Ninh cũ) khoảng 240 m về phía hạ lưu, thuộc thị trấn Tân Sơn huyện Ninh Sơn và xã Phước Tiến huyện Bắc Ái.

- Hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ: các huyện Bắc Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải và TP Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Diện tích sử dụng đất: 484 ha.

3. Cấp quyết định đầu tư.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT).

4. Chủ đầu tư.

4.1. Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7 làm chủ đầu tư:

- Công tác khảo sát, lập điều chỉnh thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư xây dựng phần đập dâng Tân Mỹ và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ;

- Đập dâng Tân Mỹ và kênh chính Tân Mỹ (bao gồm cả công tác khảo sát, lập thiết kế BVTC dự toán).

4.2. Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận làm chủ đầu tư:

- Kênh cấp 1 khu tưới Tân Mỹ trở xuống (bao gồm cả công tác khảo sát, lập thiết kế BVTC dự toán);

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

5. Tư vấn khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh.

Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP (HEC).

Chủ nhiệm: Thạc sỹ Lê Nho Thịnh.

Phó chủ nhiệm: Kỹ sư Nguyễn Ngọc Phú.

6. Hình thức đầu tư.

Xây dựng mới.

7. Nhiệm vụ đập dâng và kênh khu tưới Tân Mỹ.

- Tưới trực tiếp 6.800 ha đất canh tác;
- Tiếp nước cho khu tưới hồ Cho Mo để tưới ổn định cho 1.200 ha; tạo nguồn tiếp nước cho khu tưới hồ Bà Râu và Sông Trâu, tổng cộng $1,5\text{m}^3/\text{s}$;
- Tạo nguồn cấp nước cho diện hạt nhân số 2, khu tưới hồ Ông Kinh, nước sinh hoạt và cấp nước sản xuất giống thủy sản, tổng cộng $1,0\text{m}^3/\text{s}$;
- Kết hợp phát điện với $N_{lm} = 9\text{MW}$ sau khi thỏa mãn các yêu cầu cấp nước theo nhiệm vụ chính nêu trên.

8. Cấp công trình và tần suất thiết kế (theo QCVN 04-05/2012):

8.1. Cấp công trình:

- Công trình đầu mối: cấp III.
- Hệ thống kênh: cấp III.

8.2. Tần suất thiết kế:

- Tần suất đảm bảo tưới: $P=85\%$;
- Tần suất lũ thiết kế: $P=1,5\%$;
- Tần suất lũ kiểm tra: $P=0,5\%$;
- Tần suất lũ dẫn dòng thi công: $P=10\%$;

Về năng lực tháo lũ: đập dâng Tân Mỹ nằm ở hạ lưu hồ Sông Cái, do đó công trình tràn Tân Mỹ phải đảm bảo khả năng xả lũ ứng với lưu lượng xả lũ thiết kế $P=0,5\%$, lũ kiểm tra qua tràn của hồ Sông Cái $P=0,1\%$ cộng với lưu lượng lũ thiết kế $P=1,5\%$, kiểm tra $P=0,5\%$ của lưu vực khu giữa (theo quy định tại mục 3.2.5, QCVN 04-05/2012).

9. Quy mô, thông số và giải pháp kỹ thuật chủ yếu.

9.1. Đập dâng Tân Mỹ.

9.1.1. Tuyến đập: nối 2 bờ sông Cái, cách cầu Sông Cái (cầu Quảng Ninh cũ) khoảng 240 m về phía hạ lưu.

9.1.2. Thông số thiết kế chủ yếu:

- Đập không tràn: đập đất đắp đồng chất, đỉnh đập $+107,0\text{m}$, tổng chiều dài cả 2 bên 182m ; $H_{\max}=5,5\text{m}$; đỉnh và mái thượng hạ lưu gia cố bê tông; xử lý thấm qua nền bằng chân khay đất chống thấm.

- Đập tràn: tràn đặt ở lòng sông, hình thức tràn tự do ngưỡng thực dụng, kết cấu đập bê tông cốt thép M250 trên nền đá; cao trình ngưỡng tràn $+99,5\text{m}$; bề rộng tràn nước $228,0\text{m}$; chiều cao đập $H_{\max}=7,2\text{m}$.

- Cổng lấy nước: tuyến cổng ở vai trái đập; cổng có tháp, lấy nước bằng cửa van phẳng; khẩu độ cổng 01 cửa kích thước (2x2)m, cao trình ngưỡng cổng +96,50m; kết cấu BTCT M250.

- Cổng xả cát: tuyến cổng bên phải cổng lấy nước; cao độ ngưỡng cổng +95,00m; khẩu độ 01 cửa kích thước (4x4)m; kết cấu BTCT M250.

- Vai phải đập dâng bố trí các hạng mục công trình lấy nước cho nhà máy thủy điện lấy.

9.2. Nhà máy thủy điện.

Công suất lắp máy (Nlm) khoảng 9MW nằm phía hạ lưu đập dâng, lấy nước từ đập dâng về, do Tổng công ty xây dựng nông nghiệp Việt Nam-CTCP tổ chức khảo sát, lập thiết kế và đầu tư xây dựng từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp.

9.3. Hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ.

9.3.1. Kênh chính: lưu lượng thiết kế đầu kênh: $6,5\text{m}^3/\text{s}$; mực nước thiết kế đầu kênh +99,00 m; chiều dài 36,5 km; kết cấu ống thép.

Đường thi công, quản lý và giao thông nông thôn: chiều rộng mặt đường rộng Bm= 5,0m, kết cấu mặt đường là bê tông M250 dày 18cm.

9.3.2. Kênh nhánh:

- Kênh cấp 1: số lượng 40 kênh ống áp lực, chiều dài 67,367 km;

- Kênh cấp 2 trở xuống: 115 kênh và ống áp lực, chiều dài 200 km.

9.3.3. Công trình trên kênh: tổng cộng có 547 hạng mục:

- Kênh chính: 105 công trình;

- Kênh nhánh: 442 công trình.

9.4. Thiết bị cơ khí: Cửa van cổng lấy nước và xả cát: cửa phẳng, bằng thép; kích thước cửa cổng lấy nước 1 cửa (2x2)m, cổng xả cát 1 cửa (4x4)m.

9.5. Thiết bị điện.

9.5.1. Điện thi công: từ lưới điện Quốc gia và máy phát điện.

9.5.2. Điện vận hành: từ lưới điện Quốc gia; hệ thống điện quản lý vận hành gồm trạm biến áp, đường dây trung áp, điện thấp sáng, vận hành...

9.6. Trang thiết bị quản lý, vận hành.

Gồm hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị quản lý, vận hành và trang thiết bị ban đầu theo quy định hiện hành.

9.7. Khu nhà quản lý công trình.

Gồm 03 khu nhà quản lý (đầu mối 01, hệ thống kênh 02), diện tích sàn mỗi nhà 200m^2 , kết cấu khung BTCT, tường xây gạch. Trong mỗi khu nhà quản

lý bố trí nhà làm việc, ăn, ở, nhà kho, nhà để xe và các hạng mục khác (sân bãi, đường nội bộ, hàng rào, cổng, cây xanh, cấp thoát nước...).

9.8. Đường thi công, quản lý.

Tận dụng các đường dân sinh hiện có gần tuyến kênh; đường thi công, quản lý dọc đường ống, kết cấu cầu BT M250, dày 18cm.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

10. Khối lượng chủ yếu.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			
			Đập dâng	Kênh chính	Kênh nhánh	Tổng cộng
1	Đào đất	m ³	11.865	1.004.607	401.843	1.418.315
2	Đào đá	m ³	67.233	251.151	105.483	423.867
3	Đắp đất	m ³	19.519	434.730	217.365	671.614
4	Bê tông các loại	m ³	12.164	11.909	6.312	30.385
5	Khớp nối	m	330			330
6	Thép tròn các loại	Tấn	558	921	276	1.755
7	Thiết bị cơ khí	Tấn	41			41
8	Ống thép và phụ kiện	Tấn		23.400		23.400
9	Ống áp lực khác	m			267.367	267.367

11. Tổng mức đầu tư điều chỉnh phần đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ và nguồn vốn đầu tư.

11.1. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 2.924.317 triệu đồng (Hai ngàn chín trăm hai mươi tư tỷ, ba trăm mười bảy triệu đồng) không bao gồm kinh phí nhà máy thủy điện, trong đó:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Hạng mục, khoản mục chi phí	Ban 7	Địa phương	Cộng
1	Chi phí xây dựng	1.627.363	613.500	2.240.863
2	Chi phí thiết bị	6.005		6.005
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC		159.465	159.465
4	Chi phí quản lý dự án	12.384	4.652	17.036
5	Chi phí tư vấn xây dựng	64.128	39.764	103.892
6	Chi phí khác	16.450	25.743	42.193
7	Chi phí dự phòng	264.723	90.140	354.862
	Tổng cộng	1.991.053	933.264	2.924.317

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Riêng phần công trình đầu mối Sông Cái và kênh khu tưới Sông Cái sẽ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh sau, khi thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng của toàn dự án.

11.2. Nguồn vốn đầu tư.

Vốn Trái phiếu Chính phủ theo Nghị quyết 881/2010/UBTVQH12 và vốn ngân sách nhà nước.

12. Thời gian thi công.

Tiến độ đầu tư theo điểm dừng kỹ thuật, sớm phát huy hiệu quả và đáp ứng yêu cầu chống hạn trên cơ sở nguồn vốn phân bổ năm 2015 như sau:

Theo thời gian xây dựng	Hạng mục, hiệu quả	Vốn (triệu)
2015-2016	Đập dâng và kênh (các cấp) khu tưới Tân Mỹ, từ K0 đến K7+500 (vị trí kênh tưới của hồ Cho Mo) để tưới khoảng 2.000 ha.	726.000
	Theo kế hoạch vốn phân bổ (600 tỷ), từ nguồn vượt thu năm 2014:	600.000
	- Ban 7: xây dựng đập dâng và 7.500 m kênh chính	400.000
	- Địa phương: BT-GPMB và xây dựng kênh cấp 1 trở xuống, tương ứng:	200.000
2016-2020	Các hạng mục còn lại của toàn dự án	Sẽ cập nhật sau

13. Bước thiết kế.

Thiết kế 2 bước: thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

14. Phương thức thực hiện.

- Công tác tư vấn xây dựng: chỉ định thầu theo văn bản số 649/VPCP-NN ngày 28/01/2008 về việc chỉ định thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận;

- Công tác thi công xây lắp: chỉ định thầu theo văn bản số 996/TTg-KTN ngày 06/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý điều chỉnh dự án đầu tư và áp dụng hình thức chỉ định thầu thi công đập dâng và hệ thống kênh tưới Tân Mỹ;

- Các công việc khác thực hiện theo quy định.

15. Một số lưu ý trong các giai đoạn sau.

- Khảo sát tài liệu địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành.

- Đập dâng: có giải pháp công trình hợp lý để hạn chế lắng đọng bùn cát trước đập dâng và cống, không để bùn cát chảy vào cống. Tính toán cao trình, kích thước và hợp lý hóa kết cấu kênh dẫn dòng.

- Kênh mương, đường ống: chuẩn hóa số công trình, chủng loại và các thông số kỹ thuật công trình trên kênh, đường ống, các hồ điều hòa, bể điều áp, cửa lấy nước ra....

- Về giải pháp kỹ thuật phương án đường ống: tính toán xác định chiều dày đường ống, đảm bảo vận hành an toàn và kinh tế; có phương án thí nghiệm mô hình với vật liệu, công nghệ thi công và xác định giá trị tổn thất thực tế của đường ống; bổ sung các chi tiết mối nối, khớp co giãn, cửa lấy nước, hình thức bảo vệ đường ống, các đường ống xả cận tại các vị trí xi phông; xem xét thay hình thức đường hàn từ chữ V sang chữ X để đảm bảo an toàn; xem xét lại sự phù hợp về vị trí các vị trí giếng giảm áp; trên cơ sở tài liệu địa chất, xác định mái công trình an toàn, tiết kiệm; xem xét biện pháp thi công đào phá đá móng công trình để đảm bảo hiệu quả kinh tế và vận dụng định mức, tính toán chi phí thiết kế đối với hệ thống kênh dẫn (phần xây lắp và đường ống) phù hợp.

- Lập quy trình quản lý vận hành và bảo trì công trình theo quy định.

- Việc thiết kế, thi công, quản lý công trình thủy điện phải triển khai đồng bộ với công trình thủy lợi để đảm bảo hiệu quả, an toàn cho quá trình thi công, quản lý, vận hành công trình. Cần phân tách rõ các hạng mục, công việc liên quan đến công trình thủy điện thì doanh nghiệp phải bỏ vốn đầu tư.

- Rà soát quy mô hồ Sông Cái theo hướng quy hoạch lâu dài và phương án kết cấu các đập chính, đập phụ, phương án dẫn nước từ hồ Sông Cái đến khu tưới các hồ, để điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện kịp thời, đảm bảo chất lượng công trình và phát huy hiệu quả cao.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao:

- Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7 thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý tổ chức thực hiện các hạng mục theo phân giao tại điểm 4.1 Khoản 4 Điều 1 trên, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình theo đúng quy định hiện hành; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận lập hồ sơ trình Bộ phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có).

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý tổ chức thực hiện các hạng mục theo phân giao tại điểm 4.2 Khoản 4 Điều 1 trên, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình theo đúng quy định hiện hành; cung cấp hồ sơ các hạng mục công trình do Sở quản lý cho Ban 7 để tổng hợp trình Bộ phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có).

- Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng nông nghiệp Việt Nam - CTCP: huy động nguồn vốn hợp pháp lập dự án đầu tư, xây dựng công trình và tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Tân Mỹ theo nguyên tắc sử dụng nước phát điện không ảnh hưởng đến các nhu cầu sử dụng nước của các ngành kinh tế và dân sinh, đảm bảo an toàn vùng dự án và công trình thủy lợi; thực hiện nghĩa vụ vốn nhà nước theo đúng quy định.

- Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư quản lý, tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư của dự án theo đúng quy định hiện hành, bàn giao mặt bằng xây dựng đảm bảo tiến độ thi công công trình.

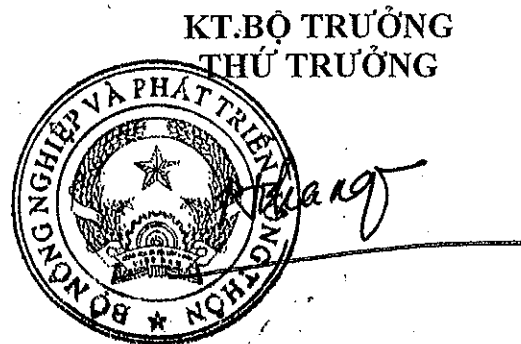
- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan của địa phương phối hợp với Ban Quản lý đầu tư và XD TL7 và các nhà thầu trong quá trình khảo sát, thiết kế, xây dựng và bàn giao dự án đúng tiến độ; tiếp nhận quản lý sử dụng công trình khi hoàn thành.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh phần đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ tại Quyết định số 4223/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2007 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và số 169/QĐ-BNN-XD ngày 20/01/2010 phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, dự án HTTL Tân Mỹ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi; Vụ trưởng các vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học công nghệ và môi trường; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận; Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam - CTCP; Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng nông nghiệp Việt Nam - CTCP và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, XD;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Kho bạc NN Ninh Thuận;
- Lưu VT, XD (34 bản).



Hoàng Văn Thắng

Phụ lục 1

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT (ĐIỀU CHỈNH)
Phản đập dâng và hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận
 (Kèm theo Quyết định số **3088** / QĐ-BNN-XD ngày **04** / **8**/2015
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số	
			Đã duyệt	Điều chỉnh
A	ĐẬP DÂNG TÂN MỸ			
I	Đập không tràn			
1	Hình thức đập		BT trọng lực	Đập đất
2	Cao trình đỉnh đập		71,20	107,00
3	Mức nước thiết kế đầu kênh chính	m	62,50	99,00
4	Tổng chiều dài đập	m	325,50	182
5	Chiều cao đập Hmax	m	27,30	5,5
II	Đập tràn			
1	Kết cấu		Đập BTTL, tràn tự do mặt cắt WES	Đập BTTL, tràn tự do mặt cắt WES
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	63,50	99,50
3	Lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	5 502	5.019
4	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	8 245	6.376
5	Chiều dài phần tràn	m	190	228
6	Chiều cao đập Hmax	m	19	7,20
III	Cống lấy nước Tân Mỹ			
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	4,545	6,50
2	Cao trình ngưỡng cống	m	61,00	96,00
3	Khẩu diện cống n(BxH)	m	1* (1,2 x1,5)	1*(2x2)
IV	Cống xả cát Tân Mỹ			
1	Khẩu diện cống n(BxH)	m	1* (4x4)	1* (4x4)
2	Cao trình ngưỡng cống		54,00	95,00
3	Chiều dài cống		14,80	16,80
B	HỆ THỐNG KÊNH KHU TƯỚI TÂN MỸ			
I	Kênh chính			
1	Kết cấu		Kênh bê tông, mặt cắt hình thang và chữ nhật	Ông thép

Nhuanh

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số	
			Đã duyệt	Điều chỉnh
2	Diện tích tưới	ha	3.700	6.800
3	Lưu lượng thiết kế đầu kênh chính	m ³ /s	4,454	6,500
4	Mức nước thiết kế đầu kênh chính	m	62,08	99,00
5	Chiều rộng đáy đầu kênh	m	2,0	2,2 (đường kính ống)
6	Chiều rộng đáy cuối kênh	m	0,8	1,3
7	Kênh chính (bao gồm CTTK)	km	36,576	36,500
-	Công trình trên kênh	Cái		105
8	Hồ điều hòa	Cái		2
II	Kênh nhánh			
1	Số kênh nhánh cấp 1	kênh	39	40
2	Kênh cấp 1	km	45,35	67,367 (đường kính ống từ 800-200mm)
-	Công trình trên kênh	Cái		187
3	Kênh cấp dưới	km		200 (đường kính ống từ 500-200mm)
-	Công trình trên kênh	Cái		255

Khuanh

PHẦN II. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Phân Đập dâng và HT Kênh khu tưới Tân Mỹ, HTTL Tân Mỹ tỉnh Ninh Thuận
 (Kèm theo Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ NN&PTNT)

TT	Hạng mục đầu tư	Theo Quyết định 169/QĐ-BNN-XD (triệu đồng)			Tổng mức đầu tư điều chỉnh (triệu đồng)		
		Ban 7	Địa phương	Tổng cộng	Ban 7	Địa phương	Tổng cộng
A	CHI PHÍ XÂY DỰNG	267.838	188.112	455.950	1.627.363	613.500	2.240.863
1	Đập dâng Tân Mỹ	267.838		267.838	75.359		75.359
1.1	Cụm đập dâng (bao gồm cả cống lấy nước và cống xả cát)	219.650		219.650	62.538		62.538
-	Đập dâng Tân Mỹ	209.491		209.491	37.713		37.713
-	Khoan phụt	8.670		8.670	0		0
-	Điện nước PVTC	1.094		1.094	0		0
-	Hệ thống quan trắc (XD)	395		395	500		500
-	Cống lấy nước và cống xả cát				24.325		24.325
1.2	Đường quản lý, thi công	10.962		10.962	3.000		3.000
1.3	Nhà quản lý đập dâng Tân Mỹ	1.713		1.713	2.000		2.000
1.4	Cầu hạ lưu Tân Mỹ	11.823		11.823	0		
1.5	Dẫn dòng thi công	13.826		13.826	6.703		6.703
1.6	Mặt bằng thi công	7.568		7.568	368		368
1.7	Xây dựng phần điện	2.295		2.295	750		750
2	Hệ thống kênh khu tưới Tân Mỹ		188.112	188.112	1.552.004	613.500	2.165.504
2.1	Kênh chính + CTTK		149.239	149.239	1.550.004	0	1.550.004
2.2	Kênh cấp 1 trở xuống & CTTK		37.373	37.373		613.500	613.500
2.3	Nhà quản lý hệ thống kênh		1.500	1.500	2.000	0	2.000
2.4	Hệ thống quan trắc (XD)		0	0		0	0
B	CƠ KHÍ, THIẾT BỊ	5.701	16.985	22.686	6.005	0	6.005
1	Đập dâng Tân Mỹ	4.231		4.231	4.755		4.755
2	Điện	290		290	750		750
3	Quan trắc	1.180		1.180	500		500
4	Kênh Tân Mỹ		16.985	16.985		0	0
C	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (bao gồm cả chi phí đã thực hiện theo tuyến cũ)	0	23.400	23.400		159.465	159.465
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.098	1.774	3.872	12.384	4.652	17.036
E	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	13.035	1.250	14.285	64.128	39.764	103.892
1	Khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn DADT (bao gồm cả chi phí đã thực hiện cho tuyến cũ)	917		917	3.917		3.917
2	Khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn TKKT-BVTC (bao gồm cả chi phí KS, TK kênh tuyến cũ)	3.640		3.640	21.640	30.183	51.823
3	Lập DADTXDCT (bao gồm cả chi phí thực hiện cho tuyến cũ)	352		352	3.354		3.354

Handwritten signature

4	Chi phí thiết kế giai đoạn TKKT (đập dâng tuyến cũ)	4.560		4.560	4.560		4.560
5	Chi phí thiết kế BVTC (Bao gồm cả chi phí TKBVTC đập dâng tuyến cũ)	2.405		2.405	19.620	6.378	25.998
6	Chi phí thẩm tra TKKT, TK BVTC (bao gồm cả chi phí đã thực hiện cho tuyến đập cũ)	60		60	530	177	707
7	Chi phí thẩm tra dự toán (bao gồm cả chi phí đã thực hiện cho tuyến đập dâng cũ)	57		57	511	171	682
8	Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HS dự thầu thi công XD	0	0	0	50	0	50
9	Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HSDT cung cấp vật tư TB	0	0	0	13	0	13
10	Chi phí giám sát thi công XD	1.044	1.101	2.145	7.574	2.855	10.429
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0	0	0	34	0	34
12	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm thử tải	0	0	0	500		500
13	Quy đổi vốn đầu tư XDCT	0		0	1.300		1.300
14	Chi phí tư vấn khác				524		524
F	CHI PHÍ KHÁC	1.745	13.104	14.849	16.450	25.743	42.193
1	Chi phí thẩm tra DADT				359		359
2	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (bao gồm cả chi phí đã thực hiện cho tuyến cũ)	0	13.004	13.004		20.790	20.790
3	Chi phí bảo hiểm XDCT	1.745	0	1.745	11.107	4.172	15.279
4	Chi phí đảm bảo ATGT phục vụ thi công các công trình	0	0	0	0	0	0
5	Chi kiểm toán công trình	0	0	0	2.064	516	2.580
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0		0	654	164	818
7	Lệ phí thẩm định DADT	0		0	71		71
8	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu			0	96	27	123
9	Phí thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước			0	102	38	140
10	Lệ phí thẩm định dự toán	0		0	97	37	134
11	Đào tạo cán bộ, công nhân quản lý vận hành (TT)	0	100	100	300		300
12	Trang thiết bị quản lý vận hành	0		0	1.000		1.000
13	Chi phí khác	0	0	0	600		600
G	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	185.962	96.152	282.114	264.723	90.140	354.862
	TỔNG CỘNG	476.379	340.777	817.156	1.991.053	933.264	2.924.317

Handwritten signature